

Số: /2022/NQ-HĐND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 277/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 215/BC-KTNS ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 2 như sau:

“6. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các huyện, thị xã, thành phố được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, đảm bảo chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện chế độ, chính sách được nhà nước ban hành đến thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung này (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và kinh phí thực hiện một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa bờ).

Từ năm ngân sách 2023, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước.”.

2. Bổ sung điểm d khoản 1 Điều 4 như sau:

“d) Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ Quy định thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Chi quỹ tiền lương và chi hoạt động thường xuyên:

Quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: quỹ tiền lương của số biên chế thực tế có mặt và quỹ tiền lương biên chế chưa tuyển dụng) với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành. Đối với biên chế chưa tuyển dụng xác định quỹ tiền lương theo hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1 (hệ số lương 2,34).

Chi hoạt động thường xuyên theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

Cơ quan	Định mức
Nhóm I	
Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	140
Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	155
Nhóm II: Các sở, ban, ngành và đoàn thể được đảm bảo	
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Ngoại vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Y tế; Ban Dân tộc và đoàn thể được đảm bảo còn lại	112
Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài nguyên và Môi trường; Thanh tra tỉnh; Ban Quản lý các Khu công nghiệp	100
Các sở, ban, ngành còn lại	95
Nhóm III: Các cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc sở, ban, ngành	
Chi cục Thủy sản	212
Chi cục Thủy lợi	122
Chi cục Kiểm lâm	108
Các cơ quan còn lại (bao gồm cả Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia Côn Đảo)	94

Phân bổ thêm kinh phí: Đối với một số cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao ít biên chế, được tính bổ sung thêm kinh phí hoạt động thường xuyên (Tỷ lệ % x tổng kinh phí chi hoạt động thường xuyên) như sau: đơn vị có từ 10 đến 19 biên chế được tính thêm 5%; đơn vị có dưới 10 biên chế được tính thêm 10%.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Chi hoạt động thường xuyên và chi thực hiện nhiệm vụ chung:

Chi hoạt động thường xuyên: 140 triệu đồng/biên chế/năm.

Chi thực hiện nhiệm vụ chung: kinh phí phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Văn phòng Tỉnh ủy là 12.452 triệu đồng/năm. Các khoản kinh phí chi thực hiện nhiệm vụ cụ thể được tổng hợp khi xây dựng dự toán ngân sách hàng năm.”.

c) Sửa đổi điểm b khoản 3 như sau:

“b) Đối với các hội có tính chất đặc thù được hỗ trợ kinh phí như sau:

Hỗ trợ kinh phí chi trả tiền lương theo số biên chế thực tế (không vượt số biên chế được cấp có thẩm quyền giao) với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành đối với hội có tính chất đặc thù được cấp có thẩm quyền giao biên chế.

Hỗ trợ kinh phí chi trả chế độ, chính sách thù lao cho người công tác tại hội có tính chất đặc thù theo quy định tại Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01 tháng 06 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội và các văn bản quy định hiện hành.

Hỗ trợ kinh phí hoạt động tính theo số lượng người công tác tại hội được cấp có thẩm quyền giao: 32 triệu đồng/người/năm.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1; điểm b, điểm c khoản 2 và điểm đ khoản 3 Điều 25 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Chi hoạt động thường xuyên

Các huyện, thị xã, thành phố là 85 triệu đồng/biên chế/năm.

Huyện Côn Đảo là 105 triệu đồng/biên chế/năm.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 2 như sau:

“b) Chi hoạt động thường xuyên

Các huyện, thị xã, thành phố là 140 triệu đồng/biên chế/năm.

Huyện Côn Đảo là 201 triệu đồng/biên chế/năm.

c) Chi thực hiện nhiệm vụ đặc thù

Các huyện, thị xã, thành phố là 104 triệu đồng/biên chế/năm.

Huyện Côn Đảo 141 triệu đồng/biên chế/năm.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 như sau:

“đ) Chi chế độ cho cán bộ thôn, ấp, khu phố thực hiện theo các quyết định của cấp có thẩm quyền; chi hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 90 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; chi hoạt động công tác dân vận ở cơ sở theo Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân bổ kinh phí hoạt động công tác dân vận ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; chi toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư theo Thông tư số 121/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; chi hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân theo quy định tại Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19

tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.”.

Điều 2. Bãi bỏ một số quy định của Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022

1. Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 11.
2. Bãi bỏ điểm c khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 25.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Mười một thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính;
- TTr. Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh;
- TTr.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài PH - TH tỉnh;
- Lưu: VT, STC, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Phạm Viết Thanh